

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(Đã được soát xét)

T. M.S.C.P.

★ M.C.

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-35
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-35

001  
C  
C  
H  
H  
4.

N: 030  
C  
C  
C  
X  
THAN

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### **CÔNG TY**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trịnh Bá Bộ	Phó Chủ tịch
Ông Howang Yu Nam	Ủy viên
Ông Đoàn Đắc Học	Ủy viên
Ông Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Bà Dương Thị Bạch Xuyên	Phó Giám đốc
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Huy Hiệp	Trưởng ban
Ông Ngô Quý Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

102  
NH  
GTY  
KIỂM  
AASI  
TP. HC  
838116  
NG TY  
PHÂN  
KHÍ  
G DẦU  
-T.P.HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Đoàn Đắc Học



Số: 349 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu được lập ngày 13 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2013-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>154.059.438.533</b>	<b>185.489.477.605</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	13.595.070.214	9.297.296.939
111	1. Tiền		13.595.070.214	9.297.296.939
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	41.257.914	41.257.914
121	1. Chứng khoán kinh doanh		355.000.000	355.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(313.742.086)	(313.742.086)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		108.704.492.122	112.532.461.460
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	96.650.760.773	104.808.748.496
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.846.696.781	5.396.589.666
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.207.034.568	2.327.123.298
140	IV. Hàng tồn kho	8	30.875.211.496	59.388.841.789
141	1. Hàng tồn kho		30.875.211.496	59.388.841.789
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		843.406.787	4.229.619.503
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	842.554.941	919.175.386
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	3.310.444.117
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	851.846	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>104.148.122.435</b>	<b>102.827.303.628</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>565.000.000</b>	<b>565.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	565.000.000	565.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>38.185.633.872</b>	<b>36.391.305.292</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	36.624.231.104	34.806.640.650
222	- Nguyên giá		82.422.244.180	78.309.999.792
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.798.013.076)	(43.503.359.142)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.561.402.768	1.584.664.642
228	- Nguyên giá		2.080.950.110	2.080.950.110
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(519.547.342)	(496.285.468)
240	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.156.729.259</b>	<b>3.833.787.895</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.156.729.259	3.833.787.895
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>62.037.210.441</b>	<b>62.037.210.441</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		51.000.000.000	51.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.037.210.441	11.037.210.441
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.203.548.863</b>	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.203.548.863	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>258.207.560.968</b>	<b>288.316.781.233</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>126.762.904.425</b>	<b>137.605.374.103</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>126.195.683.060</b>	<b>136.706.252.738</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	15.486.848.787	46.140.711.636
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	22.584.755.912	4.299.541.784
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.707.184.544	2.202.201.831
314	4. Phải trả người lao động		3.007.622.589	6.558.151.847
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.310.548.610	5.084.685.137
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	13.803.177.052	2.781.850.026
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	66.575.988.098	69.234.306.009
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		719.557.468	404.804.468
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>567.221.365</b>	<b>899.121.365</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	450.000.000	550.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	117.221.365	349.121.365
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>131.444.656.543</b>	<b>150.711.407.130</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>131.444.656.543</b>	<b>150.711.407.130</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		72.276.620.000	72.276.620.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		72.276.620.000	72.276.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.425.165.374	25.425.165.374
415	3. Cổ phiếu quỹ		(343.472.600)	(343.472.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		35.783.745.434	34.189.156.425
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.697.401.665)	19.163.937.931
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(10.545.770.635)	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.848.368.970	19.163.937.931
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>258.207.560.968</b>	<b>288.316.781.233</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Giám đốc





Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc

Đoàn Đắc Học



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2017	đầu năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	293.105.934.857	340.822.651.700
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		293.105.934.857	340.822.651.700
11	4. Giá vốn hàng bán	23	276.693.399.005	299.207.336.142
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.412.535.852	41.615.315.558
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	7.889.102.074	1.259.195.022
22	7. Chi phí tài chính	25	2.129.918.118	1.379.196.179
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.118.786.119	1.340.748.188
25	8. Chi phí bán hàng	26	4.196.507.558	6.283.700.318
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	9.255.638.915	19.619.773.072
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.719.573.335	15.591.841.011
31	11. Thu nhập khác	28	4.469.463.198	365
32	12. Chi phí khác	29	2.912.446.612	-
40	13. Lợi nhuận khác		1.557.016.586	365
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.276.589.921	15.591.841.376
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	487.317.984	3.035.937.252
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>9.789.271.937</u>	<u>12.555.904.124</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Giám đốc





Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc

Đoàn Đắc Học

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2017	đầu năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.276.589.921	15.591.841.376
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.872.071.420	906.222.976
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.673.171	23.758.328
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.240.102.074)	(1.102.931.338)
06	- Chi phí lãi vay		2.118.786.119	1.340.748.188
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.030.018.557	16.759.639.530
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		7.137.995.958	(38.502.911.484)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		28.513.630.293	12.632.406.064
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(18.833.445.617)	12.410.837.780
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		550.130.218	(1.919.082.522)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.137.774.786)	(1.314.979.843)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(768.690.160)	(1.550.448.196)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.847.160.377)	(2.693.056.073)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.644.704.086	(4.177.594.744)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.666.400.000)	(96.141.836.893)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		351.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.889.102.074	6.737.931.338
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.573.702.074	(89.403.905.555)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		128.647.312.606	113.975.353.087
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(131.305.630.517)	(88.782.118.905)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.260.059.300)	(5.370.337.090)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.918.377.211)	19.822.897.092

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm 2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2017	đầu năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.300.028.949	(73.758.603.207)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.297.296.939	85.940.394.688
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.255.674)	(17.122.728)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>13.595.070.214</u>	<u>12.164.668.753</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc

Đoàn Đắc Học

1105

INH  
NG TY  
KIỂM  
AASI

TP. HỒ

0183

ÔNG  
PH  
Đ KI  
NG I

4-T.P



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm 2017

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.276.620.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 72.276.620.000 đồng; tương đương 7.227.662 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu, kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
- Cài tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới, sửa chữa bồn bể;
- Sản xuất xe có động cơ: xe bồn (trừ thiết kế phương tiện vận tải và chỉ đóng mới, sửa chữa và lắp đặt bồn, bể, thùng lên phương tiện có sẵn động cơ);
- Đóng mới và sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công nghiệp;
- Mua bán ô tô vận tải chuyên dùng;
- Mua bán xăng, dầu;
- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
- Sản xuất thiết bị cứu hộ, cứu sinh (không hoạt động tại trụ sở).

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Cơ khí xăng dầu cũng đã ký hợp đồng cho thuê tài sản là dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất thùng phuy với Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai theo hợp đồng số 082/HĐ/PMS-PMS DONG NAI.

- Tài sản cho thuê là hai dây chuyền sản xuất sản phẩm thùng phuy (một dây chuyền di dời từ nhà máy tại địa chỉ Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, một dây chuyền nhận chuyển nhượng theo nhà máy của Công ty TNHH Samsun Việt Nam), dây chuyền sản xuất sản phẩm thùng 18L - 20L, phương tiện vận tải.
- Thời gian cho thuê từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2019. Tài sản đã được bàn giao và đưa vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2017.

Theo hợp đồng cho thuê này, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của dây chuyền sản xuất sản phẩm thùng, phuy đã được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai. Công ty tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, thương mại vật tư xăng dầu, sản xuất bồn, xây dựng công trình, nhờ đó, doanh thu bán hàng hóa của Công ty trong kỳ tăng hơn 109,009 tỷ VND tương đương 77% so với kỳ trước, trong khi doanh thu bán thành phẩm của công ty trong kỳ này đã giảm 47,716 tỷ VND tương đương giảm 14% so với cùng kỳ năm trước. Những thay đổi này dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty kỳ này có giảm sút so với kỳ trước.

108  
 NH  
 NH  
 TOA  
 CH  
 17  
 TY  
 IN  
 I  
 AU  
 08



**Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu - Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Tân Bình Kim Hương	Cụm công nghiệp Tân Bình, Xã Tân Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu
Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Thủ Đức	610 Xa lộ Đại Hàn, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng dầu
Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Bạch Đằng	469 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng dầu
Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Chiến Thắng	2A/7172 ấp 2 Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng dầu

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty

Trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## 2.4 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- *Đối với công trình xây dựng*: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- *Đối với sản xuất thành phẩm*: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc    | 05 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị         | 06 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải       | 08 năm      |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 - 06 năm |
| - Phần mềm quản lý          | 03 năm      |



**2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

BCC chia lợi nhuận sau thuế:

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty thực hiện kế toán cho BCC, ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế.

Xem thông tin chi tiết các hợp đồng hợp tác kinh doanh tại thuyết minh số 34

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.14 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

M.S.C.A.

T. T. T. H. H.

T. A. H. D. P. Y.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	636.743.657	353.689.236
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.958.326.557	8.943.607.703
	<b>13.595.070.214</b>	<b>9.297.296.939</b>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Út Xi (UTXI) <sup>(1)</sup>	355.000.000	(313.742.086)	355.000.000	(313.742.086)
	<b>355.000.000</b>	<b>(313.742.086)</b>	<b>355.000.000</b>	<b>(313.742.086)</b>

(1) Công ty xác định giá trị dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh căn cứ vào Báo cáo tài chính Quý II/2017 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy sản Út Xi.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	51.000.000.000	-	51.000.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>				
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	11.037.210.441	-	11.037.210.441	-
	<b>62.037.210.441</b>	<b>-</b>	<b>62.037.210.441</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, công nghệ ngành gas, xăng dầu, dầu khí.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	87.630.710.780	69.570.143.781
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.020.049.993	35.238.604.715
	<b>96.650.760.773</b>	<b>104.808.748.496</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Perstima Việt Nam	7.409.876	-	2.783.892.016	-
- Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	-	-	626.400.000	-
- Công ty TNHH SX TM Minh Đại Phú	1.632.777.063	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội	1.048.060.000	-	-	-
- Zhejiang Denuo Equipment Co. LTD	810.127.500	-	126.937.650	-
- Công ty TNHH SX TM CN Cần Trục Việt Nam	777.318.182	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	2.571.004.160	-	1.859.360.000	-
	<b>6.846.696.781</b>	<b>-</b>	<b>5.396.589.666</b>	<b>-</b>

## 7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>				
- Phải thu các cửa hàng kinh doanh xăng dầu về tiền bán hàng	746.613.005	-	786.726.773	-
- Phải thu về thuế TNCN	412.513.462	-	401.547.538	-
- Phải thu về Bảo hiểm xã hội	-	-	2.372.966	-
- Tạm ứng	383.763.000	-	5.004.210	-
- Tạm ứng lợi nhuận cho Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia	35.000.000	-	245.000.000	-
- Phải thu các khoản chi hộ Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	1.893.532.817	-	809.111.697	-
- Phải thu ông Nguyễn Quốc Việt về tiền thi công sửa chữa các Cửa hàng Xăng dầu	1.699.062.274	-	51.876.186	-
- Phải thu khác	36.550.010	-	25.483.928	-
	<b>5.207.034.568</b>	<b>-</b>	<b>2.327.123.298</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>				
- Ký cược, ký quỹ	565.000.000	-	565.000.000	-
	<b>565.000.000</b>	<b>-</b>	<b>565.000.000</b>	<b>-</b>

## 8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.777.102.661	-	32.610.159.890	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	251.114.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.916.422.257	-	10.749.398.136	-
Thành phẩm	3.923.236.539	-	7.408.285.925	-
Hàng hoá	15.258.450.039	-	8.369.883.338	-
	<b>30.875.211.496</b>	<b>-</b>	<b>59.388.841.789</b>	<b>-</b>

## 9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án 446 Nơ Trang Long <sup>(1)</sup>	863.085.429	863.085.429
Chi phí sửa chữa, di dời Nhà máy thùng phuy	293.643.830	2.970.702.466
	<b>1.156.729.259</b>	<b>3.833.787.895</b>

(1) Đây là dự án xây dựng Trung tâm thương mại và khu nhà cao tầng tại địa chỉ số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản chi phí đã phát sinh là các khoản chi phí tư vấn, thiết kế ban đầu của dự án. Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt dự án.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13,  
Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	7.461.188.582	59.852.398.654	10.763.608.946	232.803.610	78.309.999.792
- Mua trong kỳ	-	4.666.400.000	-	-	4.666.400.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(554.155.612)	-	(554.155.612)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.461.188.582</b>	<b>64.518.798.654</b>	<b>10.209.453.334</b>	<b>232.803.610</b>	<b>82.422.244.180</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	5.822.453.099	29.482.757.097	8.004.581.459	193.567.487	43.503.359.142
- Khấu hao trong kỳ	152.405.046	2.305.361.600	383.126.236	7.916.664	2.848.809.546
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(554.155.612)	-	(554.155.612)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.974.858.145</b>	<b>31.788.118.697</b>	<b>7.833.552.083</b>	<b>201.484.151</b>	<b>45.798.013.076</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	1.638.735.483	30.369.641.557	2.759.027.487	39.236.123	34.806.640.650
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>1.486.330.437</b>	<b>32.730.679.957</b>	<b>2.375.901.251</b>	<b>31.319.459</b>	<b>36.624.231.104</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.751.491.861 VND;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.533.946.069 VND.

## 11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	1.860.950.110	220.000.000	2.080.950.110
Số dư cuối kỳ	<b>1.860.950.110</b>	<b>220.000.000</b>	<b>2.080.950.110</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	276.285.468	220.000.000	496.285.468
- Khấu hao trong kỳ	23.261.874	-	23.261.874
Số dư cuối kỳ	<b>299.547.342</b>	<b>220.000.000</b>	<b>519.547.342</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	1.584.664.642	-	1.584.664.642
Tại ngày cuối kỳ	<b>1.561.402.768</b>	-	<b>1.561.402.768</b>

- Quyền sử dụng đất: Là 3.000,5 m2 đất được Công ty sử dụng với mục đích kinh doanh xăng dầu tại khu đất ở phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với thời hạn sử dụng đến ngày 05/10/2055.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 220.000.000 VND.

## 12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí làm bảng quảng cáo	411.543.146	823.086.292
Chi phí thuê mặt bằng cửa hàng	305.454.545	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	125.557.250	-
Các khoản khác	-	96.089.094
	<b>842.554.941</b>	<b>919.175.386</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa, di dời Nhà máy thùng phuy	2.203.548.863	-
	<b>2.203.548.863</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**13 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- <b>Vay ngắn hạn</b>						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	38.347.013.497	38.347.013.497	14.617.785.773	38.347.013.497	14.617.785.773	14.617.785.773
+ Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn <sup>(2)</sup>	16.596.243.795	16.596.243.795	67.008.498.098	47.277.601.284	36.327.140.609	36.327.140.609
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 <sup>(3)</sup>	14.291.048.717	14.291.048.717	47.021.028.735	45.681.015.736	15.631.061.716	15.631.061.716
	<b>69.234.306.009</b>	<b>69.234.306.009</b>	<b>128.647.312.606</b>	<b>131.305.630.517</b>	<b>66.575.988.098</b>	<b>66.575.988.098</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 0087/KHDN1/16NH ngày 27/04/2016, được sửa đổi bổ sung theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số  
 + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;  
 + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;  
 + Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ;  
 + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;  
 + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 14.617.785.773 VND;  
 + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 0444/NHNT ngày 27/04/2016.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 441.0090/2016/HĐTDHM-DN/PGB.SG ngày 11/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:  
 + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;  
 + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;  
 + Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ;  
 + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;  
 + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 36.327.140.609 VND;  
 + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 0505/2016-HĐTDHM/NHCT924-CKXD ngày 21/07/2016, với các điều khoản chi tiết sau:  
 + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;  
 + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, bồn chứa, xe chuyên dụng và các lĩnh vực theo giấy phép đăng ký kinh doanh;  
 + Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ;  
 + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;  
 + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 15.631.061.716 VND;  
 + Các hình thức bảo đảm tiền vay:  
 - Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 0707/2016/HĐTCQTS/NHCT924-CKXD ngày 21/07/2016 và thế chấp toàn bộ quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu đối với các bên có nghĩa vụ thanh toán với Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị là 30.000.000.000 đồng;  
 - Thế chấp hàng hóa theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0706/2016/HĐTCHH/NHCT924-CKXD ngày 21/07/2016 về thế chấp toàn bộ hàng tồn kho là sắt, thép, thép tấm, thép cuộn, xăng, dầu các loại và các hàng hóa khác (bao gồm cả nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang và thành phẩm) với giá trị là 20.000.000.000 đồng. Bao gồm hàng đang ở trong kho tại địa chỉ 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, hàng ngoài kho (hàng đang đi đường, hàng được gửi tại các đại lý, cửa hàng) và hàng hình thành trong tương lai.

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Minh Đức Minh Tâm	-	-	755.355.685	755.355.685
- Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV	2.252.190.172	2.252.190.172	5.129.959.814	5.129.959.814
- Công ty TNHH Posco Việt Nam	1.275.913.742	1.275.913.742	8.579.463.491	8.579.463.491
- Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải - Chi nhánh Thủ Đức	7.436.320.000	7.436.320.000	4.490.000.000	4.490.000.000
- Phải trả các đối tượng khác	4.522.424.873	4.522.424.873	27.185.932.646	27.185.932.646
	<b>15.486.848.787</b>	<b>15.486.848.787</b>	<b>46.140.711.636</b>	<b>46.140.711.636</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**

Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	9.183.206.100	1.282.740.000
Công ty TNHH Châu Thành	-	816.000.000
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Thuận	3.040.000.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu ô tô Miền Nam	3.325.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	7.036.549.812	2.200.801.784
	<b>22.584.755.912</b>	<b>4.299.541.784</b>

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.071.972.079	974.379.807	-	97.592.272
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	152.258.783	615.579.531	768.690.160	851.846	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	78.160.638	801.711.049	247.783.607	-	632.088.080
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.971.782.410	1.983.225.974	1.977.504.192	-	1.977.504.192
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	<b>-</b>	<b>2.202.201.831</b>	<b>4.478.488.633</b>	<b>3.974.357.766</b>	<b>851.846</b>	<b>2.707.184.544</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	40.360.486	59.349.153
Trích trước chi phí thi công các công trình	-	3.707.897.602
Trích trước chi phí bộ phận bán hàng	414.722.914	203.183.712
Trích trước chi phí lương và ăn ca	387.456.029	1.003.632.680
Chi phí hoa hồng môi giới	-	39.588.051
Chi phí đào tạo	270.000.000	-
Chi phí sơn bôn	178.000.000	-
Chi phí phải trả khác	20.009.181	71.033.939
	<b>1.310.548.610</b>	<b>5.084.685.137</b>

## 18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	42.861.880	91.087.760
- Bảo hiểm xã hội	189.522.120	-
- Bảo hiểm y tế	34.862.350	1.330.200
- Bảo hiểm thất nghiệp	14.903.179	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.997.742.125	2.491.953.825
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	523.285.398	197.478.241
	<b>13.803.177.052</b>	<b>2.781.850.026</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	450.000.000	550.000.000
	<b>450.000.000</b>	<b>550.000.000</b>

## 19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	117.221.365	349.121.365
	<b>117.221.365</b>	<b>349.121.365</b>



20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>29.079.939.584</b>	<b>17.854.799.314</b>	<b>144.293.051.672</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	12.555.904.124	12.555.904.124
Chi trả cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(8.642.126.400)	(8.642.126.400)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.109.216.841	(5.109.216.841)	-
Thù lao HĐQT từ LN năm 2015	-	-	-	-	(383.631.038)	(383.631.038)
Thù lao HĐQT từ LN năm nay	-	-	-	-	(130.500.000)	(130.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LN năm 2015	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	-	-	-	(1.719.825.035)	(1.719.825.035)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh từ lợi nhuận kỳ này (*)	-	-	-	-	(782.517.070)	(782.517.070)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>34.189.156.425</b>	<b>11.642.887.054</b>	<b>143.190.356.253</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>34.189.156.425</b>	<b>19.163.937.931</b>	<b>150.711.407.130</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	9.789.271.937	9.789.271.937
Chi trả cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(23.765.847.600)	(23.765.847.600)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.594.589.009	(1.594.589.009)	-
Thù lao HĐQT, BKS từ LN năm 2016	-	-	-	-	(464.779.000)	(464.779.000)
Thù lao HĐQT, BKS từ LN kỳ này	-	-	-	-	(145.000.000)	(145.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(1.884.492.957)	(1.884.492.957)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh <sup>(1)</sup>	-	-	-	-	(667.641.420)	(667.641.420)
Giảm khác <sup>(2)</sup>	-	-	-	-	(128.261.547)	(128.261.547)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>35.783.745.434</b>	<b>(1.697.401.665)</b>	<b>131.444.656.543</b>

(1) Đây là khoản lợi nhuận sau thuế phải trả bên hợp tác liên kết kinh doanh, xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34.

(2) Khoản nộp thuế TNDN bổ sung theo Quyết định của Cục thuế TPHCM số 1509/QĐ-CT-XP ngày 18/04/2017.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông năm 2016 ngày 04/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Phân phối	Trong đó: đã tạm
	LNST năm 2016	trích trong năm
	VND	2016
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1.594.589.009	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.000.000.000	-
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	766.779.000	302.000.000
Trích thưởng Ban quản lý điều hành	1.884.492.957	-
Chi trả cổ tức (bằng 33% vốn điều lệ bình quân)	23.765.847.600	-
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	667.641.420	-

	Số tiền
	VND
Đồng thời, Công ty cũng đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:	
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	145.000.000

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	30/06/2017	Tỷ lệ	01/01/2017
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	46,00	33.248.770.000	46,00	33.248.770.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Deawon Thủ Đức	23,01	16.634.000.000	23,01	16.634.000.000
Các cổ đông khác	30,63	22.134.950.000	30,63	22.134.950.000
Cổ phiếu quỹ	0,36	258.900.000	0,36	258.900.000
	<b>100,00</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>100,00</b>	<b>72.276.620.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng	6 tháng
	đầu năm 2017	đầu năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.276.620.000	72.276.620.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	72.276.620.000	72.276.620.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	72.276.620.000	72.276.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	145.000.000	8.642.126.400
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	145.000.000	8.642.126.400

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.227.662	7.227.662
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu được mua lại	25.890	25.890
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.890	25.890
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.201.772	7.201.772
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.201.772	7.201.772
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành 10.000 VND		



e) Các quỹ của công ty

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	35.783.745.434	34.189.156.425
	<b>35.783.745.434</b>	<b>34.189.156.425</b>

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
Đô la Mỹ (USD)	10.568,65	39.377,28
	<b>10.568,65</b>	<b>39.377,28</b>

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	2.888.310.177	2.888.310.177

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	250.474.382.882	141.465.237.860
Doanh thu bán thành phẩm	32.344.106.274	199.357.413.840
Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.287.445.701	-
	<b>293.105.934.857</b>	<b>340.822.651.700</b>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	236.192.505.325	134.666.022.300
Giá vốn của thành phẩm đã bán	30.958.858.648	164.541.313.842
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	9.542.035.032	-
	<b>276.693.399.005</b>	<b>299.207.336.142</b>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	49.102.074	690.776.225
Lãi bán hàng trả chậm tại cửa hàng và các đại lý	-	38.085.743
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	7.840.000.000	412.155.113
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	118.177.941
	<b>7.889.102.074</b>	<b>1.259.195.022</b>

## 25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.118.786.119	1.340.748.188
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	13.406.435
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.673.171	23.758.328
Chi phí tài chính khác	8.458.828	1.283.228
	<b>2.129.918.118</b>	<b>1.379.196.179</b>

## 26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.816.979	685.166.178
Chi phí nhân viên bán hàng	687.477.295	1.197.314.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.378.724	245.826.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.885.796.537	2.526.696.019
Chi phí khác bằng tiền	1.495.038.023	1.628.696.966
	<b>4.196.507.558</b>	<b>6.283.700.318</b>

## 27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.596.685	514.007.945
Chi phí nhân viên quản lý	4.456.024.032	7.628.337.534
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.966.904	217.985.617
Thuế, phí, lệ phí	2.010.721.782	2.022.699.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	591.123.112	1.424.032.889
Chi phí khác bằng tiền	1.913.206.400	7.812.709.097
	<b>9.255.638.915</b>	<b>19.619.773.072</b>

## 28 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	351.000.000	-
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản	4.070.000.000	-
Thu nhập khác	48.463.198	365
	<b>4.469.463.198</b>	<b>365</b>



## 29 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Các khoản truy thu thuế	38.360.802	-
Khấu hao tài sản cho thuê	2.400.576.037	-
Chi phí khác	473.509.773	-
	<b>2.912.446.612</b>	<b>-</b>

## 30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	10.276.589.921	15.591.841.376
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.840.000.000)	(412.155.113)
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.436.589.921	15.179.686.263
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>487.317.984</b>	<b>3.035.937.252</b>
Chi phí thuế TNDN truy thu	128.261.547	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	152.258.783	409.645.190
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(768.690.160)	(1.550.448.196)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(851.846)</b>	<b>1.895.134.246</b>

## 31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.115.380.642	148.677.744.694
Chi phí nhân công	6.777.394.059	14.643.664.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	471.495.383	906.222.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.317.669.978	8.256.621.442
Chi phí khác bằng tiền	6.677.028.138	13.060.689.283
	<b>27.358.968.200</b>	<b>185.544.942.696</b>

## 32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.595.070.214	-	9.297.296.939	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.422.795.341	-	107.700.871.794	-
Đầu tư ngắn hạn	355.000.000	(313.742.086)	355.000.000	(313.742.086)
	<b>116.372.865.555</b>	<b>(313.742.086)</b>	<b>117.353.168.733</b>	<b>(313.742.086)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	66.575.988.098	69.234.306.009
Phải trả người bán, phải trả khác	29.740.025.839	49.472.561.662
Chi phí phải trả	1.310.548.610	5.084.685.137
	<b>97.626.562.547</b>	<b>123.791.552.808</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	41.257.914	-	-	41.257.914
	<b>41.257.914</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>41.257.914</b>
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	41.257.914	-	-	41.257.914
	<b>41.257.914</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>41.257.914</b>

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.



**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.595.070.214	-	-	13.595.070.214
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.857.795.341	565.000.000	-	102.422.795.341
	<b>115.452.865.555</b>	<b>565.000.000</b>	<b>-</b>	<b>116.017.865.555</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.297.296.939	-	-	9.297.296.939
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.135.871.794	565.000.000	-	107.700.871.794
	<b>116.433.168.733</b>	<b>565.000.000</b>	<b>-</b>	<b>116.998.168.733</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Vay và nợ	66.575.988.098	-	-	66.575.988.098
Phải trả người bán, phải trả khác	29.290.025.839	450.000.000	-	29.740.025.839
Chi phí phải trả	1.310.548.610	-	-	1.310.548.610
	<b>97.176.562.547</b>	<b>450.000.000</b>	<b>-</b>	<b>97.626.562.547</b>

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	69.234.306.009	-	-	69.234.306.009
Phải trả người bán, phải trả khác	48.922.561.662	550.000.000	-	49.472.561.662
Chi phí phải trả	5.084.685.137	-	-	5.084.685.137
	<b>123.241.552.808</b>	<b>550.000.000</b>	<b>-</b>	<b>123.791.552.808</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	128.647.312.606	113.975.353.087
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	131.305.630.517	88.782.118.905

**34 . THÔNG TIN KHÁC**

*Thông tin về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:*

- (a) Ngày 04 tháng 08 năm 2010, Công ty ký hợp đồng góp vốn với DNTN Kinh doanh Xăng dầu Kim Hương cùng hợp tác kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu tại địa chỉ Ấp 1A, Xã Long Xuyên, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Nội dung hợp đồng như sau:
- DNTN Kim Hương góp vốn bằng khu đất có diện tích 460,3 m2 tại xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn bằng tiền để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ chịu trách nhiệm quản lý và hạch toán sổ sách kế toán.
  - Thời hạn thực hiện hợp đồng: từ ngày 04/08/2010 đến ngày 30/04/2020;
  - Phân chia lợi nhuận sau thuế: lợi nhuận được chia cố định cho DNTN Kim Hương như sau:
    - + Từ 03/08/2010 đến 31/05/2012 là 7.000.000 đồng/tháng.
    - + Từ 01/06/2012 đến 31/05/2020 mỗi năm tăng 10%.
  - Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.
- (b) Ngày 26 tháng 01 năm 2013, Công ty ký hợp đồng liên kết kinh doanh số 04/2013/HĐLKKD với Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 về việc góp vốn đầu tư kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Nội dung hợp đồng như sau:
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 góp vốn bằng khu đất có diện tích 316 m2 tại địa chỉ số 982 - Quốc lộ 1A, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh dùng để xây dựng văn phòng, lắp đặt, kinh doanh trạm xăng. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn 1 tỷ đồng để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ;
  - Thời hạn thực hiện hợp đồng: từ ngày 01/02/2013 đến ngày 31/08/2018;
  - Phân chia lợi nhuận sau thuế: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 khoán mức lợi nhuận sau thuế cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, theo đó mỗi tháng Công ty phải trả Công ty Công trình Giao thông 610 số tiền lợi nhuận sau thuế là 85 triệu đồng.
  - Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.
  - Theo Văn bản số 55/Cienco610 ngày 18/07/2016, từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 phân chia lợi nhuận cửa hàng xăng dầu này là 65 triệu đồng/tháng. Từ ngày 01/01/2017 là 85 triệu đồng/tháng.



- c) Ngày 01 tháng 08 năm 2015, Công ty ký hợp đồng liên kết kinh doanh số 015/CT-HĐ với Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia về việc góp vốn đầu tư kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Nội dung hợp đồng như sau:
- Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia (Bên A) đồng ý góp vốn bằng một mặt bằng có cửa hàng xăng dầu tại địa chỉ 2A/71-72, Ấp 2, Tinh lộ 10, Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (Bên B) đồng ý góp vốn bằng việc cung cấp hàng hóa xăng dầu để phục vụ kinh doanh bán lẻ xăng dầu.
  - Thời hạn thực hiện hợp đồng: từ ngày 01/08/2015 đến ngày 31/05/2020.
  - Bên A giao cho Bên B toàn quyền tự chủ quản lý điều hành, tổ chức kinh doanh và chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh.
  - Bên A được Bên B phân chia lợi nhuận sau thuế cố định trong 05 năm liên kết kinh doanh là 35 triệu đồng/tháng.

### 35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### 36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Thương mại	Sản xuất	Xây dựng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	173.403.484.247	26.066.307.637	10.287.445.701	209.757.237.585
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	77.070.898.635	6.277.798.637	-	83.348.697.272
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>14.281.877.557</b>	<b>1.385.247.626</b>	<b>745.410.669</b>	<b>16.412.535.852</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	4.666.400.000	-	4.666.400.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	139.776.083.578	18.223.755.269	7.295.300.184	165.295.139.031
Tài sản không phân bổ	-	-	-	92.912.421.937
<b>Tổng tài sản</b>	<b>139.776.083.578</b>	<b>18.223.755.269</b>	<b>7.295.300.184</b>	<b>258.207.560.968</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	76.037.073.096	7.375.092.986	3.968.585.034	87.380.751.116
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	39.382.153.309
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>76.037.073.096</b>	<b>7.375.092.986</b>	<b>3.968.585.034</b>	<b>126.762.904.425</b>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tiếng giữa niên độ và thuyết minh riêng giữa niên độ tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh riêng giữa niên độ tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Người lập biểu



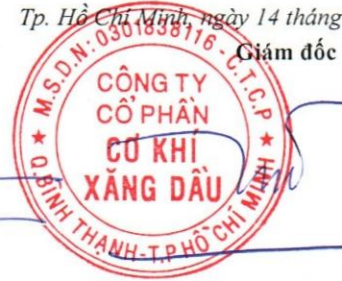
Đỗ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Trần Văn Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017



Giám đốc

Đoàn Đắc Học

